

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2024

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ SỐ LIỆU THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024 CỦA CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC;

Cục Bảo vệ thực vật công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán và số liệu thực hiện dự toán NSNN 6 tháng đầu năm 2024 như sau:

**I. Công khai số liệu thực hiện dự toán chi Ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2024**

1. Nội dung công khai: Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2024 đã được phê duyệt (theo mẫu số 03 ban hành theo Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính)

2. Hình thức công khai

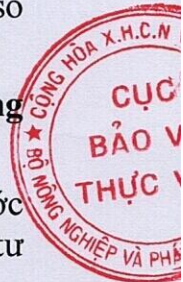
- Đối với Văn phòng Cục Bảo vệ thực vật công khai trên cổng thông tin điện tử Cục Bảo vệ thực vật <https://www.ppd.gov.vn/>, đồng thời niêm yết tại trụ sở làm việc.

- Đối với các đơn vị trực thuộc Cục Bảo vệ thực vật bao gồm: 9 Chi Cục và 9 Trung tâm: 18/18 niêm yết công khai tại trụ sở làm việc;

3. Thời điểm công khai: Ngày 15/07/2024

**II. Thuyết minh tình hình thực hiện Dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2024**

1. Thực hiện nhiệm vụ thu NSNN trong 6 tháng đầu năm 2024 của Cục Bảo vệ thực vật:



Tổng thu NSNN (thu phí) thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2024: 80.990 triệu đồng đạt 114% so với dự toán giao 6 tháng đầu năm 2024 bằng 124% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể tình hình thực hiện thu của các loại phí như sau:

+ Phí kiểm dịch thực vật thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2024: 71.783 triệu đồng đạt 114% so với dự toán giao bằng 124% so với cùng kỳ năm trước.

+ Phí giám sát khử trùng: 2.394 triệu đồng đạt 103% dự toán, bằng 102% so với cùng kỳ năm trước.

+ Phí thẩm định cấp giấy phép, GCN thuốc BVTV: 6.528 triệu đồng đạt 124% so với dự toán bằng 162% so với cùng kỳ năm trước.

+ Phí thẩm định phục vụ cấp giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch: 96 triệu đồng đạt 96% dự toán bằng 53% so với cùng kỳ năm trước.

+ Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận hợp quy sp, chỉ định phòng thử nghiệm lần đầu & thay đổi, bổ sung thuốc BVTV: 21 triệu đạt 35% dự toán bằng 48% so với cùng kỳ năm trước.

+ Phí chỉ định tổ chức thử nghiệm phân bón (bao gồm lần đầu, thay đổi, bổ sung), tổ chức chứng nhận thử nghiệm phân bón: 15 triệu đạt 75% dự toán bằng 17% so với cùng kỳ năm trước.

+ Phí cấp mới, cấp lại, GCNSXPB: 152 triệu đạt 277% dự toán bằng 97% so với cùng kỳ năm trước.

2. Chi từ nguồn thu phí được để lại, nguồn sự nghiệp được để lại trong 6 tháng đầu năm 2024:

Tổng chi từ nguồn thu phí được để lại, nguồn sự nghiệp được để lại: 92.799 triệu đồng đạt 88% dự toán giao chi 6 tháng đầu năm bằng 159% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

+ Chi sự nghiệp: 42.746 triệu đồng đạt 99% dự toán bằng 179% so với cùng kỳ năm trước.

+ Chi quản lý hành chính: 50.054 triệu đồng đạt 80% dự toán bằng 145% so với cùng kỳ năm trước.

3. Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2024:

Tổng số phí nộp ngân sách nhà nước: 23.041 triệu đồng đạt 114% so với dự toán bằng 129% so với cùng kỳ năm trước.

4. Tình hình thực hiện dự toán chi Ngân sách nhà nước (nguồn không thường xuyên):

- Kinh phí được cấp trong năm 2024: 19.108 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2024: 1.802 triệu đồng đạt 9,4 % so với dự toán.

Trong đó:

+ Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: 13 triệu đồng đạt 0,6% so với dự toán bằng 3% so với cùng kỳ năm trước.

+ Chi hoạt động kinh tế: 1.789 triệu đồng đạt 13,21% so với dự toán.

Tổng chi nguồn ngân sách nhà nước (không thường xuyên) đang tiếp tục triển khai các nội dung, công việc.

*(Chi tiết theo biểu số 3-Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính kèm theo).*

Trên đây là báo cáo tình hình công khai và thuyết minh số thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2024 của Cục Bảo vệ thực vật.

**Nơi nhận:**

- Đăng tải trên trang TTĐT;
- Lưu VT, TC.



**Nguyễn Quý Dương**



Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2024

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG NĂM 2024**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Đơn vị Cục Bảo vệ thực vật công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng năm 2024 như sau:

*ĐV tính: Triệu đồng*

Số TT	Nội dung	Dự toán 6 tháng đầu năm/cả năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm /năm 2024	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5 = 4/3*100	6= 4/7*100
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>				
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>70.879</b>	<b>80.990</b>	114	124
1	Lệ phí				
2	Phí	70.879	80.990	114	124
	Phí kiểm dịch thực vật	63.048	71.783	114	122
	Phí giám sát khử trùng	2.331	2.394	103	102
	Phí thẩm định cấp giấy phép, GCN thuốc BVTV	5.255	6.528	124	162
	Phí thẩm định phục vụ cấp giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch	100	96	96	53
	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận hợp quy sp, chỉ định phòng thử nghiệm lần đầu & thay đổi, bổ sung thuốc BVTV	60	21	35	48
	Phí chỉ định tổ chức thử nghiệm phân bón (bao gồm lần đầu, thay đổi, bổ sung), tổ chức chứng nhận thử nghiệm phân bón	20	15	75	17
	Phí cấp mới, cấp lại, GCNSXPB	55	152	277	97
	Phí xét tuyển viên chức	10	0	0	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại, nguồn sự nghiệp được để lại</b>	<b>105.681</b>	<b>92.799</b>	<b>88</b>	<b>159</b>
<b>I</b>	<b>Chi sự nghiệp</b>	<b>43.392</b>	<b>42.746</b>	99	179
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	30.241	31.820	105	186
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	13.151	10.926	83	160
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>62.289</b>	<b>50.054</b>	<b>80</b>	<b>145</b>
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	34.691	31.592	91	129
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	27.598	18.462	67	185
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	<b>20.213</b>	<b>23.041</b>	<b>114</b>	<b>129</b>

<b>1</b>	<b>Lệ phí</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
	Lệ phí	0	0		
<b>2</b>	<b>Phí</b>	<b>20.213</b>	<b>23.041</b>	<b>114</b>	<b>129</b>
	Phí kiểm dịch thực vật	17.864	20.296	114	128
	Phí giám sát khử trùng	699	718	103	103
	Phí thẩm định cấp giấy phép, GCN thuộc BVTV	1.577	1.958	124	162
	Phí thẩm định phục vụ cấp giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch	30	29	96	53
	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận hợp quy sp, chỉ định phòng thử nghiệm lần đầu & thay đổi, bổ sung thuộc BVTV	18	6	35	48
	Phí chỉ định tổ chức thử nghiệm phân bón (bao gồm lần đầu, thay đổi, bổ sung), tổ chức chứng nhận thử nghiệm phân bón	4	3	75	0
	Phí cấp mới, cấp lại, GCNSXPB	11	30	277	97
	Phí xét tuyển viên chức	10	0	0	0
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>19.108</b>	<b>1.802</b>	<b>9,4</b>	<b>197</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>17.680</b>	<b>1.802</b>	<b>10,2</b>	<b>197</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ (100-101)</b>	<b>1.935</b>	<b>0</b>		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	505	0		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	505			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	0	0		
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.430	0		
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình (130-134)</b>	<b>2.200</b>	<b>13</b>	<b>0,6</b>	<b>3</b>
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.200	13	0,6	3
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế (280-281)</b>	<b>13.545</b>	<b>1.789</b>	<b>13,21</b>	<b>1003</b>
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	13.545	1.789	13,21	1003
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn viện trợ</b>	<b>1.428</b>	<b>0</b>		
<b>1</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	<b>1.428</b>	<b>0</b>		
1.1	Dự án A	1.428	0		
1.2	Dự án B	0			

Ngày 15 tháng 07 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Quý Dương